

Số: 683/2018/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 30 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 531/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc: “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Huệ L, sinh năm 1985

Địa chỉ: , xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1985

Địa chỉ: , Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông Trần Huệ L, sinh năm 1985

- Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1985

Giấy chứng nhận kết hôn số 015, quyền số: 01/2007 ngày 02 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân phường N, quận G, Thành phố H hết hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Thị Kim N, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2007 và Trần Nguyên V, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2010 kể từ ngày ly hôn cho đến khi con trưởng thành, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng) cho cả hai con (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con trưởng thành, thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày ly hôn.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông L. Nếu ông L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông L.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông L và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông L và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng ông L tự nguyện chịu, cản trừ vào tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029040 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, hoàn lại cho ông L 150.000 đồng theo biên lai trên. Ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, ông L yêu cầu được cản trừ số tiền ông L phải chịu án phí này vào số tiền 150.000 đồng mà ông L được hoàn lại theo biên lai trên. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND q.GV;
- CCTHA DS q.GV;
- UBND Phường N, q G, Tp HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn